

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày: 24-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Chảo Phù Hiền
- Ông Nguyễn Văn Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Thào A L; sinh ngày 02 tháng 6 năm 2004 tại huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú: Bản Nh 3, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông dân; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân: 011204003xxx, ngày cấp 20/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội, Bộ Công an; Con ông Thào A P và bà Vàng Thị L; Bị cáo có vợ là Giàng Thị C và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2024 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Giàng A Ph; sinh ngày 04 tháng 8 năm 2001 tại huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú: Bản Nh 3, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông dân; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân: 011201001xxx, ngày cấp 20/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội, Bộ Công an; Con ông Giàng Seo L và bà Vàng Thị S; Bị cáo có vợ là Vàng Thị Ph và

02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2024 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Thào A L: Bà Giàng Thị Nhung, sinh năm 1987, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A Ph: Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1994, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Bị hại: Chị Quàng Thị Th, sinh năm 1999; Chị Cầm Thị H, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: Bản Nh 1, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Cháu Sùng Dua M, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011; Người giám hộ của Sùng Dua M: Bà Vàng Thị V, sinh năm 1994; địa chỉ: Bản Nh 3, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Đỗ Th, sinh năm 1998; địa chỉ: Bản Nh 1, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/12/2023, chị Quàng Thị Th đến Công an xã Nh, huyện N trình báo về việc mất tài sản, cụ thể như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/12/2023 đến 08/12/2023, chị Quàng Thị Th và chị Cầm Thị H là giáo viên của Trường mầm non Nh, huyện N đi công tác tại Trung tâm huyện N, đã khóa cửa nhà trọ tại bản Nh 1, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/12/2023, sau khi trở về phòng trọ, chị Th và chị H phát hiện bị mất tài sản là 03 con lợn nhựa tiết kiệm bên trong có số tiền trị giá khoảng 5.100.000 đồng, 01 chiếc kéo và 01 đôi dép. Đến ngày 20/12/2023, chị Th và chị H đã nhờ trích xuất camera của gia đình anh Đỗ Danh Th1, xác định được người đột nhập vào nhà chị Th, chị H trộm cắp tài sản vào rạng sáng ngày 08/12/2023 là Sùng Dua M và 02 thanh niên lạ mặt.

Qua điều tra, xác minh Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N xác định Sùng Dua M, Giàng A Ph và Thào A L là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị H và chị Th, cụ thể như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 07/12/2023, Thào A L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1-693.59 của bố L là ông Thào A P, chở theo Giàng A Ph đi từ nhà L ở bản Nh 3 tới bản Nh 1, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên để tìm em trai của L là Thào A Nù (đã bỏ nhà đi khoảng 02 tháng) tại quán nhà anh Đỗ Danh Th1. Khi tới quán của anh Th1, L và Ph gặp Sùng Du M nhưng không tìm thấy N. Qua nói chuyện, M bảo với L và Ph là ngôi nhà gỗ cạnh quán nhà anh Th1 không có người, đợi đến khuya cả 03 sẽ cùng đột nhập vào để trộm cắp tài sản, L và Ph đồng ý. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 08/12/2023, M, L, Ph đi bộ ra sau quán nhà anh Th1, rồi

đi ra đằng sau ngôi nhà gỗ bên cạnh. Khi đi đến cánh cửa phụ sau nhà gỗ bị đóng, M trèo lên chui đầu vào trong, lấy tay mở cửa chốt từ bên trong, rồi cả 03 cùng vào trong nhà tiến đến 02 chiếc tủ nhựa đựng quần áo. L bật đèn pin điện thoại của L để soi, Ph lấy 01 chiếc kéo ở trong giá đựng bát đĩa chọc vào ổ khóa 01 chiếc tủ nhựa, mở được cánh tủ tìm thấy 01 con lợn nhựa tiết kiệm màu xanh đưa cho M cầm. Sau đó, L đưa điện thoại cho M cầm soi, rồi L giữ cái tủ thứ hai để Ph dùng tay giật phá cửa tủ. Khi mở được chiếc tủ thứ hai, Ph lấy từ trong tủ ra 02 con lợn nhựa tiết kiệm tiền, Ph đưa L cầm 01 con màu đỏ, còn Ph cầm con màu hồng. Ph mang theo chiếc kéo, rồi mỗi người cầm 01 con lợn đi ra ngoài, khi đi đến cửa M bỏ lại đôi dép của M, rồi trộm cắp 01 đôi dép trong nhà trọ. Cả 03 đi đến sau quán nhà anh Th1, Ph dùng kéo cắt con lợn nhựa màu đỏ bên trong có 300.000 đồng (chủ yếu là các tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng) và con lợn nhựa màu hồng bên trong có 2.900.000 đồng (chủ yếu là các tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng), cất giấu trong túi áo của L và Ph, sau đó vứt vỏ 02 con lợn nhựa này xuống khe suối sau quán nhà anh Th1. Cả 03 tiếp tục đi một đoạn cách nhà anh Th1 khoảng 02 đến 03 nhà dân, rồi dừng lại lấy con lợn nhựa màu xanh M đang cầm, dùng kéo cắt ra bên trong có 400.000 đồng (chủ yếu là các tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng), sau đó vứt chiếc kéo và vỏ con lợn nhựa xuống khe suối. Tổng số tiền cả 03 trộm cắp được từ 03 con lợn nhựa của chị H, chị Th là 3.600.000 đồng, mỗi bị cáo chia nhau 1.200.000 đồng mang đi tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thu giữ vật chứng sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE màu đỏ đen, biển kiểm soát 27B1-693.59, xe cũ đã qua sử dụng và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 055078, cấp ngày 28/02/2018. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ chiếc xe mô tô này là của bố bị cáo Thào A L là ông Thào A P, cho bị cáo L sử dụng để đi tìm em trai bị cáo L là Thào A N. Ông Páo không biết việc Thào A L sử dụng chiếc xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra quyết định xử lý vật chứng số 11/QĐ-ĐTTH, ngày 25/3/2024 trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-693.59 và giấy tờ kèm theo cho ông Thào A P.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐDGTS, ngày 10/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, đã kết luận: 03 con lợn nhựa tiết kiệm trị giá 120.000 đồng; 01 cái kéo sắt trị giá 35.000 đồng; 01 đôi dép nhựa trị giá 50.000 đồng; tổng giá trị tài sản là 205.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSNP, ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph về tội “Trộm cắp tài sản theo” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph một lần nữa đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, các bị hại là chị Quàng Thị Th và chị Cầm Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình điều tra có lời khai như sau: Chị Th và chị H là giáo viên của Trường mầm non Nh, huyện N, hưởng ứng phong trào của huyện N “2.000 đồng mỗi ngày cho giáo dục”, các chị đã mua lợn nhựa tiết kiệm, trong đó của chị H số tiền là 400.000 đồng, của chị Th số tiền là 300.000 đồng, ngoài ra chị Th còn tiết kiệm từ tiền lương được số tiền là 2.900.000 đồng.

Tại giai đoạn điều tra, các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph đã bồi thường cho chị Th số tiền là 2.400.000 đồng, số tiền còn lại là 1.200.000 đồng, do các bị cáo và cháu Sùng Dua M có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng bồi thường nên chị H và chị Th không yêu cầu bồi thường. Đối với tài sản là 03 con lợn nhựa, 01 chiếc kéo, 01 đôi dép mà các bị cáo và Sùng Dua M trộm cắp có tổng trị giá 205.000 đồng, chị H và chị Th cũng không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Sùng Dua M và người giám hộ là bà Vàng Thị Va vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra có lời khai như sau: Tối ngày 07/12/2023, cháu M có gặp Thào A L và Giàng A Ph đang đi tìm Thào A Nù tại quán của ông Đỗ Danh Th1 ở bản Nh 1, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên. M thường xuyên chơi ở quán của ông Thanh đã quan sát thấy nhà trọ bên cạnh không có người, nên đã rủ L và Ph đi trộm cắp tài sản. Tổng số tiền M, Ph, L trộm cắp vào rạng sáng ngày 08/12/2023 được 3.600.000 đồng, chia đều mỗi người được 1.200.000 đồng, M đã tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng bồi thường cho chị H và chị Th. Ngoài ra, M cùng với L và Ph trộm cắp 01 chiếc kéo, 01 đôi dép trong nhà trọ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Giữa các bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô biển kiểm soát 27B1-693.59 và giấy tờ kèm theo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho ông Thào A P là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đề nghị chấp nhận. Đối với vỏ 03 con lợn nhựa, 01 chiếc kéo và 01 đôi dép đi Cơ quan điều tra không thu hồi được, không đề cập xử lý.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Thào A L và người bào chữa cho bị cáo Giàng A Ph nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo. Những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, đề nghị xử phạt tù các bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, khi nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Lợi dụng sơ hở chỉ Quàng Thị Th và chị Cẩm Thị H vắng nhà, khoảng 03 giờ sáng ngày 08/12/2023, Sùng Dưa M và các bị cáo Thào A L, Giàng Ph đã lén lút đột nhập vào nhà trọ của chị Th và chị H tại bản Nh 1, xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên, trộm cắp 03 con lợn nhựa tiết kiệm có tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó của chị Th là 3.200.000 đồng và của chị H là 400.000 đồng; 01 chiếc kéo bằng sắt và 01 đôi dép nhựa. Tổng giá trị tài sản các bị cáo và Sùng Dưa M trộm cắp là 3.805.000 đồng (gồm 3.600.000 đồng tiền mặt và 03 con lợn nhựa, 01 chiếc kéo, 01 đôi dép có tổng trị giá 205.000 đồng). Sau khi trộm cắp được số tiền trên các bị cáo và Sùng Dưa M chia nhau mỗi người được 1.200.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của các bị hại và có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”*

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, có tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội không lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn xã Nh, huyện N. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Trong vụ án người khởi xướng là cháu Sùng Dưa M nhưng cháu M chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (dưới 14 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của cháu M. Các bị cáo và M cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là người thực hành tích cực, số tiền trộm cắp được các bị cáo chia đều cho nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau. Xét thấy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời hạn nhất định như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, để các bị cáo cải tạo bản thân và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[3] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph đều xuất thân trong gia đình nông dân nhưng không chịu lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã trộm cắp tài sản của người khác. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bên cạnh đó, mặc dù số tiền các bị cáo trộm cắp được đã chia nhau tiêu xài cá nhân hết, nhưng tại giai đoạn điều tra mỗi bị cáo đã tự giác hoàn trả cho bị hại số tiền 2.400.000 đồng. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã trả lại số tiền đã trộm cắp cho chị Th là 2.400.000 đồng. Đối với số tiền còn lại là 1.200.000 đồng các bị cáo đã chia cho Sùng Dưa M, cháu M đã tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng bồi thường, chị Th và chị H cũng không yêu cầu cháu M và các bị cáo phải trả lại số tiền này. Đối với trị giá tài sản 03 con lợn nhựa, 01 chiếc kéo, 01 đôi dép là 205.000 đồng, chị Th và chị H cũng không yêu cầu các bị cáo và Sùng Dưa M bồi thường. Tại phiên tòa, chị Th và chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử. Xét thấy, thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên không yêu cầu giải quyết, căn cứ khoản 1 Điều 585 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng là chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-693.59, Cơ quan điều tra xác minh là của ông Thào A P, bố của bị cáo Thào A L, ông Páo không biết bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội khi sử dụng xe máy của ông Páo nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho ông Páo. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với vỏ 03 con lợn nhựa, 01 chiếc kéo và 01 đôi dép của chị H và chị Th, sau khi trộm cắp lấy tiền trong lợn nhựa, các bị cáo và Sùng Dưa M đã vứt đi, Cơ quan điều tra Công an huyện N không thu giữ được, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Xét đề nghị của những người bào chữa: Tại phiên tòa những người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Sùng Dua M và người giám hộ là bà Và Thị V vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật hình sự vẫn tiến hành xét xử. Cháu M là người khởi xướng và là người thực hành tích cực trong vụ án, tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội M mới 12 tuổi 8 tháng 14 ngày. Căn cứ khoản 1 Điều 12 của Bộ luật Hình sự, M chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã Nh, huyện N, tỉnh Điện Biên là xã có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph.

Xử phạt bị cáo Thào A L 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Giàng A Ph 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày vào trại chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Thào A L và Giàng A Ph.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày

tuyên án 24/7/2024. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người giám hộ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TA tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNV LQ ;
- Người giám hộ;
- Người bào chữa;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV Công an huyện N;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao